UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 9
NỢ HỌC PHÍ & LỆ PHÍ đến ngày 30/06/2023

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số Tiền														Tổng số tiền còn nợ học phí	Ghi chú
					Năm 1		Năm 2				Năm 3				Năm 4					
					HK1	HK2	HK3	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK4	HK5	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK6	HK7	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK8		
1	1191010050	Võ Hồ Phương Đức	21/04/1998	ĐHCQ Sư phạm Toán học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
2	1191020005	Hoàng Thùy Nhung	31/10/2000	ĐHCQ Sư phạm Hóa học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
3	1161030021	Trần Vĩnh Nghĩa	04/04/1998	ĐHCQ Sư phạm Hóa học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
4	1191060001	Nguyễn Vũ Trường An	14/03/2001	ĐHCQ Sư phạm Ngữ văn K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
5	1191060006	Trần Thị Mai Hương	23/08/2001	ĐHCQ Sư phạm Ngữ văn K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
6	1191060007	Phan Thị Minh Khuê	01/03/2001	ĐHCQ Sư phạm Ngữ văn K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
7	1191060016	Trần Hồng Tuyết Trinh	29/06/2001	ĐHCQ Sư phạm Ngữ văn K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
8	1191060018	Phạm Thị Tuyến	19/05/2001	ĐHCQ Sư phạm Ngữ văn K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
9	1191070028	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	07/11/2001	ĐHCQ Giáo dục Tiểu học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	**Nghỉ học**
10	1191070039	Nguyễn Hoàng Đức	14/05/2001	ĐHCQ Giáo dục Tiểu học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	**Nghỉ học**
11	1191070040	Nguyễn Thị Hồng Gấm	03/08/2000	ĐHCQ Giáo dục Tiểu học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	Nghỉ tạm th
12	1191070142	Nguyễn Thị Minh Phượng	27/06/2001	ĐHCQ Giáo dục Tiểu học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	Nghỉ tạm th
13	1181070143	Phạm Hoàng Thảo Vân	05/10/2000	ĐHCQ Giáo dục Tiểu học K9												700.000	300.000		**1.000.000**	**Nghỉ học**
14	1191120004	Nguyễn Hoàng Quỳnh Anh	10/05/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
15	1191120010	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	25/10/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	Nghỉ tạm th
16	1191120012	Mai Thị Lan Anh	18/05/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9													300.000		**300.000**	
17	1191120055	Đặng Thị Tuyết Mai	23/06/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
18	1191120058	Hoàng Thị Thúy Ngân	01/11/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
19	1191120064	Vương Gia Ngọc	10/09/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
20	1191120082	Ngô Thị Quý	01/01/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
21	1191120089	Dư Cẩm Tiên	09/10/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
22	1191120098	Quách Tấn Thi	14/10/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
23	1191120101	Nguyễn Tài Thông	06/10/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
24	1191120118	Trần Cao Thanh Trúc	01/06/2001	ĐHCQ Sư phạm Tiếng Anh K9												700.000	300.000		**1.000.000**	
25	1194010145	Võ Minh Quân	24/12/2001	Kế toán A K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
26	1194010034	Trần Ngọc Thu Hà	03/02/2001	Kế toán B K 9										4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**13.600.000**	
27	1194010031	Vũ Tiến Đạt	01/05/2001	Kế toán C K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
28	1194010072	Trần Ngọc Hữu	06/01/2001	Kế toán C K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
29	1194010075	Trần Đức Khánh	14/5/2001	Kế toán C K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
30	1194010103	Đào Thị Ngọc Ngân	05/09/2001	Kế toán C K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
31	1194010151	Nguyễn Thị Thảo Quỳnh	03/10/2001	Kế toán C K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
32	1194010044	Lê Thanh Hậu	18/12/2001	Kế toán D K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
33	1194010120	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	17/01/2001	Kế toán D K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	Nghỉ tạm th
34	1194010144	Đỗ Minh Quân	10/06/2001	Kế toán D K9						4.200.000				4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
35	1194010196	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	08/11/2001	Kế toán D K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	Nghỉ tạm th
36	1194010216	Đoàn Tuấn Vũ	19/05/2001	Kế toán D K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
37	1194020033	Phạm Linh Chi	10/06/2001	Quản trị kinh doanh A K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
38	1194020037	Đỗ Tiến Dũng	15/4/2001	Quản trị kinh doanh A K9											-	-	-	4.200.000	**4.200.000**	
39	1194020114	Lê Hoàng Nam	09/10/2001	Quản trị kinh doanh A K9										4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**13.600.000**	
40	1194020145	Phan Thị Tuyết Như	05/04/2001	Quản trị kinh doanh A K9											-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
41	1194020153	Nguyễn Minh Phúc	14/10/2001	Quản trị kinh doanh A K9										4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**13.600.000**	
42	1194020014	Đoàn Phương Anh	03/11/2001	Quản trị kinh doanh B K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
43	1194020036	Đoàn Tiến Dũng	13/08/2001	Quản trị kinh doanh B K9			3.650.000				4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**21.450.000**	
44	1194020070	Nguyễn Huy Hoàng	22/02/2001	Quản trị kinh doanh B K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
45	1194020097	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	12/08/2001	Quản trị kinh doanh B K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
46	1194020254	Nguyễn Lê Hoàng Yến	25/11/2001	Quản trị kinh doanh B K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
47	1194020025	Phạm Hữu Bằng	12/02/2001	Quản trị kinh doanh C K9						4.200.000	4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**22.000.000**	
48	1194020043	Nguyễn Đình Đinh	25/07/2001	Quản trị kinh doanh C K9			3.650.000				4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**21.450.000**	
49	1194020047	Nguyễn Hoàng Đức	26/07/2001	Quản trị kinh doanh C K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	-	**13.600.000**	

Stt	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Số Tiền														Tổng số tiền còn nợ học phí	Ghi chú
					Năm 1		Năm 2				Năm 3				Năm 4					
					HK1	HK2	HK3	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK4	HK5	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK6	HK7	Lệ phí vệ sinh	Lệ phí Thư viện	HK8		
50	1194020071	Nguyễn Huy Hoàng	29/08/2001	Quản trị kinh doanh C K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
51	1194020103	Vũ Khánh Ly	08/06/2001	Quản trị kinh doanh C K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
52	1194020131	Bùi Trần Minh Nhật	18/4/2001	Quản trị kinh doanh C K9											4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**9.400.000**	
53	1194020251	Dương Triệu Vy	07/12/2001	Quản trị kinh doanh C K9							4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**17.800.000**	
54	1194020060	Đỗ Thị Ngọc Hiền	18/12/2001	Quản trị kinh doanh D K9												700.000	300.000	4.200.000	**5.200.000**	
55	1194020064	Phạm Đình Hiệp	10/11/2001	Quản trị kinh doanh D K9										4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**13.600.000**	
56	1194020172	Lê Thị Cẩm Tiên	30/09/2001	Quản trị kinh doanh D K9						4.200.000	4.200.000			4.200.000	4.200.000	700.000	300.000	4.200.000	**22.000.000**	
57	1194030145	Sỳ Quang long	04/05/2001	Ngôn Ngữ Anh A K9											4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**10.650.000**	
58	1194030050	Phan Lê Mỹ Duyên	03/02/2001	Ngôn Ngữ Anh B K9											4.825.000	-	300.000	4.825.000	**9.950.000**	
59	1194030106	Nguyễn Văn Huy	27/8/1994	Ngôn Ngữ Anh B K9											4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**10.650.000**	Nghỉ tạm thờ
60	1194030122	Nguyễn Xuân Khôi	12/07/2001	Ngôn Ngữ Anh B K9							4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**20.300.000**	
61	1194030233	Trinh Nguyễn Minh Phương	07/11/2001	Ngôn Ngữ Anh B K9											-	700.000	300.000	4.825.000	**5.825.000**	
62	1194030370	Tô Tường Vy	29/09/2001	Ngôn Ngữ Anh B K9							4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**20.300.000**	
63	1194030099	Lê Minh Hùng	19/09/2001	Ngôn Ngữ Anh C K9							4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**20.300.000**	
64	1194030123	Nguyễn Anh Khôi	20/9/2001	Ngôn Ngữ Anh C K9										4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**15.475.000**	
65	1194030339	Võ Minh Trí	29/11/2001	Ngôn Ngữ Anh C K9			-			-	-			-	-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
66	1194030020	Huỳnh Tiểu Anh	04/03/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9											-	700.000	300.000	4.825.000	**5.825.000**	
67	1194030036	Nguyễn Hoàng Bảo Châu	14/05/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9										4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**15.475.000**	
68	1194030052	Phạm Nguyễn Ngọc Duyên	16/01/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9												700.000	300.000	-	**1.000.000**	
69	1194030060	Đặng Trần Duy Đạt	19/12/2000	Ngôn Ngữ Anh D K9											-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
70	1194030092	Lê Quang Hiếu	12/05/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9							4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**20.300.000**	
71	1194030148	Hoàng Thị Thanh Mai	25/12/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9											4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**10.650.000**	
72	1194030252	Trần Mỹ Tiên	19/9/2001	Ngôn Ngữ Anh D K9											4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**10.650.000**	
73	1194030157	Đỗ Nguyệt MInh	11/12/2001	Ngôn Ngữ Anh E K9												700.000	300.000	-	**1.000.000**	
74	1194030197	Lưu Quý Nhi	17/01/2001	Ngôn Ngữ Anh E K9											-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
75	1194030245	Nguyễn Quang Sáng	19/6/2001	Ngôn Ngữ Anh E K9											-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
76	1194030269	Nguyễn Ngọc Bích Tuyền	25/04/2001	Ngôn Ngữ Anh E K9										-	-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
77	1194030298	Đoàn Thị Thơm	17/04/2001	Ngôn Ngữ Anh E K9						4.650.000	4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**24.950.000**	
78	1194030022	Nguyễn Thái Mỹ Anh	30/10/2001	Ngôn Ngữ Anh F K9						4.650.000	4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**24.950.000**	
79	1194030190	Ngô Nguyễn Thái Nguyên	10/04/2001	Ngôn Ngữ Anh F K9						4.650.000	4.825.000			4.825.000	-	700.000	300.000	-	**15.300.000**	Mồ côi
80	1194030198	Ngô Nguyễn Thanh Nhi	22/12/2001	Ngôn Ngữ Anh F K9						4.650.000	4.825.000			4.825.000	4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**24.950.000**	
81	1194030366	Trần Khánh Vy	09/12/2001	Ngôn Ngữ Anh F K9														4.825.000	**4.825.000**	
82	1194030047	Ngô Trí Dũng	24/8/2001	Ngôn Ngữ Anh G K9											-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
83	1194030303	Ninh Quốc Thuận	30/03/2001	Ngôn Ngữ Anh G K9						-	-			-	-	-	300.000	-	**300.000**	
84	1194030319	Bùi Anh Thư	12/09/2000	Ngôn Ngữ Anh G K9							-			-	-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
85	1194030232	Mai Thị Ngọc Phương	26/06/2001	Ngôn Ngữ Anh H K9										4.825.000	-	-	-	-	**4.825.000**	
86	1194030275	Lê Đức Thái	01/07/2001	Ngôn Ngữ Anh H K9												-	300.000	-	**300.000**	
87	1194030336	Ông Mỹ Trân	28/04/2001	Ngôn Ngữ Anh H K9										-	-	700.000	300.000	-	**1.000.000**	
88	1194030368	Phạm Ngọc Đan Vy	12/10/2001	Ngôn Ngữ Anh H K9						4.650.000				-	-	-	-	-	**4.650.000**	
89	1194040001	Phạm Nguyễn Chí Công	29/8/2001	Khoa học môi trường K9											-	-	-	4.825.000	**4.825.000**	
90	1194040002	Chu Thanh Hải	03/11/2001	Khoa học môi trường K9												700.000	300.000	4.825.000	**5.825.000**	
91	1194040003	Lê Đình Hảo	04/08/2001	Khoa học môi trường K9												700.000	300.000	4.825.000	**5.825.000**	
92	1194040005	Nguyễn Thị Bé Thuân	14/01/2001	Khoa học môi trường K9											4.825.000	700.000	300.000	4.825.000	**10.650.000**	
93	1194040007	Đặng Thuý Huyền	10/03/2001	Khoa học môi trường K9											-	-	-	4.825.000	**4.825.000**	
Tổng tiền nợ					-	-	**7.300.000**	-	-	**35.850.000**	**101.600.000**	-	-	**137.075.000**	**194.175.000**	**58.100.000**	**26.100.000**	**232.150.000**	**792.350.000**	

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Người lập bảng

Vũ Thị Huyền Trang

Kế toán trưởng

Lê Văn Tuấn